

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HS-ST
Ngày 28 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải

Ông Nguyễn Văn Đương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Xuân L - sinh ngày 26/01/1990 tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân B và bà Đỗ Thị N; vợ Nguyễn Thị P (sinh năm 1991) và có 03 con; tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 22/7/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đình Đ - sinh ngày 01/02/1999 tại xã S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: xóm T, xã S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình V và bà Nguyễn Thị S; vợ, con: chưa có; tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 22/7/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thái H - sinh ngày 28/02/2000 tại xã S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: xóm T, xã S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái H và

bà Lương Thị B; vợ, con: chưa có; tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/7/2018 đến ngày 31/7/2018 thì bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 71 ngày 31/7/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Hồng Quốc D – sinh năm 1956

Địa chỉ: khối 8 thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Chủ doanh nghiệp tư nhân vàng bạc HV

Có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1975

Địa chỉ: khối 4 thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vàng bạc HH

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà Võ Thị H – sinh năm 1962

Địa chỉ: khối 4 thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vàng bạc PH

Vắng mặt tại phiên tòa

4. Bà Nguyễn Thị O – sinh năm 1954

Địa chỉ: xóm Yên H, xã S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh tiệm vàng NB

Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Chị Phạm Thị O – sinh năm 1970

Địa chỉ: khối 3 thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vàng bạc PHT

Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Ông Nguyễn Minh N – sinh năm 1950

Địa chỉ: xóm 8 xã V, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vàng bạc PN cơ sở 1, cơ sở 2

Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Ông Phan Bá Th – sinh năm 1964

Địa chỉ: xóm C, xã T, huyện Yên Thành, Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vàng bạc TV

Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Ông Trần Bá B – sinh năm 1945

Địa chỉ: khối 11 thị trấn Dũng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vàng bạc ML1

Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Anh Trần Bá Đ – sinh năm 1983

Địa chỉ: khối 4 thị trấn Dùng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vàng bạc ML3

Vắng mặt tại phiên tòa.

10. Anh Nguyễn Anh H – sinh năm 1983

Địa chỉ: khối X, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vàng bạc TKT

Vắng mặt tại phiên tòa.

11. Anh Lê Văn T – sinh năm 1971

Địa chỉ: khối 3 thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vàng bạc PV

Vắng mặt tại phiên tòa.

12. Ông Trần Thanh H – sinh năm 1963

Địa chỉ: khối K, phường H, thị xã Thái Hòa, Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vàng bạc HN1

Vắng mặt tại phiên tòa.

13. Bà Hoàng Thị H – sinh năm 1967

Địa chỉ: khối K, phường H, thị xã Thái Hòa, Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vàng bạc BH1

Vắng mặt tại phiên tòa.

14. Anh Nguyễn Duy N – sinh năm 1981

Địa chỉ: xóm P, xã N, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vàng bạc KNĐ

Vắng mặt tại phiên tòa.

15. Anh Nguyễn Ngọc D – sinh năm 1989

Địa chỉ: xóm P, xã N, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vàng bạc CO

Vắng mặt tại phiên tòa.

16. Anh Nguyễn Thái S – sinh năm 1976

Địa chỉ: khối 4 H, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vàng bạc NL

Vắng mặt tại phiên tòa.

17. Anh Hoàng Phi H – sinh năm 1996

Địa chỉ: khối 20 thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Chủ hộ kinh doanh tiệm vàng bạc MT

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 7/2018, thông qua mạng xã hội, Đỗ Xuân L đã mua của một đối tượng không quen biết nhiều dây chuyền kim loại pha bạc. Do háms lợi, L đã nảy ra ý định gia công thêm vào những dây chuyền này để trông giống như dây chuyền bạc với mục đích lừa bán cho các tiệm vàng bạc theo giá bạc chất lượng trên thị trường để kiếm lời nhiều hơn. L sử dụng 03 phần bạc và 07 phần kẽm để đúc các mắt xích thay thế cho những mắt xích dây chuyền bị hỏng rồi tráng thêm một lớp bạc mỏng bên ngoài và đưa vào Nghệ An tiêu thụ.

Vì không thông thạo địa bàn và đồng thời là người ngoại tỉnh, L không bán được dây chuyền nên thuê Nguyễn Đình Đ và trả công với mỗi dây bán được từ 30.000 đồng đến 50.000 đồng. L nói rõ cho Đ chất lượng của các dây chuyền chỉ ở mức 50%-60% (“bạc non”) nhưng bán với giá bạc đảm bảo chất lượng và hướng dẫn cho Đ cách lừa bán cũng như cách đối phó trong trường hợp bị phát hiện. Để tránh bị người mua nghi ngờ, cứ mỗi lần L lại đưa cho Đ 01 dây để bán, khi bán xong thì lại đưa tiếp dây khác. Đ đồng ý và thực hiện việc bán các dây chuyền được thực hiện trong các ngày như sau:

Ngày thứ nhất: vào ngày không xác định đầu tháng 7/2018, Đ và L liên lạc bằng điện thoại, hẹn gặp nhau tại trạm giao thông 1-7 cũ (thuộc địa phận xã S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An). Đ đi xe mô tô Waveα màu đỏ đen BKS 37S1-6617 của anh rể là Phạm Văn Hường còn L đi xe mô tô mượn. Tại đây, L đưa cho Đ dây chuyền. Đ đã bán 01 dây với giá 1.854.000 đồng (ký hiệu 02 khi thu giữ) cho chủ tiệm vàng bạc HH (thuộc thị trấn Đô Lương) và 01 dây với giá 1.550.000 đồng (ký hiệu 09 khi thu giữ) cho chủ tiệm vàng bạc PH (thuộc thị trấn Đô Lương). Đ được L trả công 300.000 đồng và tiêu xài hết. Tối hôm đó, Đ rủ Nguyễn Thái H cùng tham gia bán nhưng lúc đó, H chưa biết gì về mục đích của L và Đ.

Ngày thứ hai: vào thời gian không xác định đầu tháng 7/2018, L (đi cùng vợ là Nguyễn Thị P) gặp Đ tại trạm giao thông 1-7 cũ và giao hàng cho Đ. Đ về rủ thêm H đi bán cùng. Ngày hôm đó, L và H bán được 01 dây với giá 1.897.000 đồng (ký hiệu 10 khi thu giữ) cho chủ tiệm vàng bạc NB (thuộc xã S) và 01 dây với giá 736.000 đồng (ký hiệu 01 khi thu giữ) cho chủ tiệm vàng bạc HH (thuộc thị trấn Đô Lương).

Ngày thứ ba: cách lần thứ hai khoảng 3-4 ngày, L lại gặp Đ và H tại điểm hẹn cũ giao hàng. Đ và H bán được 01 dây với giá 1.866.000 đồng (ký hiệu 12

khi thu giữ) cho chủ tiệm vàng bạc HV (thuộc thị trấn Đô Lương) và 01 dây với giá 1.138.000 đồng (ký hiệu 04 khi thu giữ) cho chủ tiệm vàng bạc HH (thuộc thị trấn Đô Lương). L có trả công nhưng không xác định được số tiền trả.

Ngày thứ tư: vào ngày 14/7/2018, cả ba lại gặp nhau. Lúc này, H có nghi ngờ nên đã hỏi L và được L cho biết về chất lượng của dây chuyền nhưng H vẫn đồng ý đi lừa bán thuê cho L để lấy tiền công. Cả ba đã đến huyện Thanh Chương, Nam Đàn, Yên Thành và bán cho các dây chuyền như sau: 02 dây giá 2.520.000 đồng (ký hiệu 13, 14 khi thu giữ) + 01 dây giá 1.109.000 đồng (ký hiệu 15 khi thu giữ) cho chủ tiệm vàng bạc ML3, ML1 (thuộc huyện Thanh Chương); 01 dây giá 1.500.000 đồng (ký hiệu 16 khi thu giữ) cho chủ tiệm TKT (huyện Nam Đàn); 01 dây giá 1.813.000 đồng (ký hiệu 17 khi thu giữ) cho chủ tiệm TV + 02 dây giá 2.320.000 đồng (ký hiệu 18, 19 khi thu giữ) cho chủ tiệm PN 2 + 01 dây giá 1.424.000 đồng (ký hiệu 20 khi thu giữ) cho chủ tiệm PN1 (đều thuộc huyện Yên Thành). Cũng trong ngày, các đối tượng còn bán tại huyện Đô Lương, gồm: 01 dây với giá 1.796.000 đồng (ký hiệu 03 khi thu giữ) cho chủ tiệm HH + 02 dây với giá 3.000.000 đồng (ký hiệu 06, 07) cho chủ tiệm PHT.

Ngày thứ năm: ngày 19/7/2018, cũng theo cách thức cũ, L, Đ và H đã lừa bán 01 dây (ký hiệu 21 khi thu giữ) với giá 1.483.000 đồng cho tiệm vàng bạc PV (thuộc huyện Tân Kỳ). Lần này không xác định được tiền công L trả.

Ngày thứ sáu: ngày 20/7/2018, L chở vợ còn Đ chở H cùng đi đến các huyện Tân Kỳ, Quỳnh Hợp và thị xã Thái Hòa để bán dây chuyền. Tại huyện Tân Kỳ, các đối tượng bán cho cửa tiệm PV 01 dây chuyền (ký hiệu 22 khi thu giữ) với giá 1.216.000 đồng. Tại thị xã Thái Hòa, bán 01 dây giá 1.200.000 đồng (ký hiệu 23 khi thu giữ) cho cửa tiệm BH1 + 01 dây giá 1.040.000 đồng (ký hiệu 24 khi thu giữ) cho chủ tiệm HN1. Tại Quỳnh Hợp, bán 02 dây với giá 2.800.000 đồng (ký hiệu 28, 29 khi thu giữ) cho cửa tiệm KNĐ + 02 dây với giá 2.627.000 đồng (ký hiệu 30, 31 khi thu giữ) cho cửa tiệm CO + 02 dây với giá 3.104.000 đồng (ký hiệu 25, 26 khi thu giữ) cho chủ tiệm NL + 01 dây với giá 1.200.000 đồng (ký hiệu 27 khi thu giữ) cho cửa tiệm MT. L trả công cho Đ và H mỗi người 600.000 đồng.

Ngày thứ bảy: vào ngày 21/7/2018, tại huyện Đô Lương, Đ và L bán 01 dây chuyền với giá 1.470.000 đồng (ký hiệu 11 khi thu giữ) cho cửa tiệm NB + 01 dây với giá 1.870.000 đồng (ký hiệu 08 khi thu giữ) cho cửa tiệm PH. Trong ngày này, Đ có rủ thêm Bùi Đăng Thuận tham gia bán cùng nhưng Thuận không biết mục đích của L và Đ. Do vậy, khi Thuận đang giúp Đ bán 01 dây cho cửa tiệm HH tại thị trấn Đô Lương thì bị Công an huyện Đô Lương đưa về trụ sở làm việc. Còn Đ thì quay lại gặp L thông báo tình hình. L trả công cho Đ 500.000 đồng rồi đón xe khách về Nam Định, trên đường đi, L đã vứt hết số dây chuyền còn lại.

Ngoài ra, có một số dây chuyền khác trong quá trình bán bị các cửa hàng vàng bạc phát hiện giả, khò đen nên H và Đ mang trả lại cho L.

Ngày 22/7/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và ra Quyết định tạm giữ đối với Đỗ Xuân L, Nguyễn Đình Đ và Nguyễn Thái H. Thu giữ các vật gồm:

- 01 máy nén khí đã qua sử dụng, loại 8kg/cm³ màu đỏ, phía trên có gắn bộ phận tự chế màu đen, số Model: H-47, POWER1/2HP.

- 01 máy khò màu vàng đồng đã qua sử dụng gồm thân khò và tay cầm. Thân khò làm bằng kim loại màu vàng, có hình dạng trụ tròn dài 18cm, đường kính 8cm. Tay cầm khò dài 40cm, giữa tay cầm có nút vặn điều chỉnh. Thân và tay cầm được nối với nhau bằng ống nhựa màu trắng dài 1,8m.

- 01 thùng nhựa màu trắng (loại thùng đựng sơn đã qua sử dụng), bên trong chứa chất lỏng màu vàng đục, không xác định thể tích.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave α 110 đã qua sử dụng, BKS 37S1-6617.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1190 màu đen đã qua sử dụng, có 02 sim số 0971.141272 và 0964.690093.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1110 màu xanh đã qua sử dụng, có sim số 01695.689757.

Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ 32 sợi dây chuyền kim loại từ Bùi Đăng Thuận và các chủ tiệm vàng bạc đã mua dây chuyền của L, Đ, H.

Ngày 01/8/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương quyết định trưng cầu giám định 32 mẫu dây chuyền đến Viện khoa học hình sự Bộ công an. Kết quả giám định được phản ánh tại Kết luận giám định số 4264/C09(P4) ngày 16/8/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an như sau:

- 02 sợi dây chuyền kim loại màu trắng chế tác dạng mắt xích (ký hiệu 01+04) là hợp kim Bạc + Đồng + Kẽm + Niken, hàm lượng trung bình: Bạc (Ag) 87,92% + Đồng (Cu) 6,56% + Kẽm (Zn) 5,32% + Niken (Ni) 0,2%.

- 30 dây chuyền kim loại màu trắng (ký hiệu 02, 03 và từ 05 đến 32) và 01 miếng kim loại (ký hiệu 17): phần các mắt xích là hợp kim Bạc (Ag), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), hàm lượng trung bình: Ag 30,37%, Cu 46,78%, Zn 14,47%, Ni 8,37%. Bên ngoài các mắt xích đều được mạ lớp bạc mỏng.

- Phần móc khóa đều là hợp kim Bạc, Đồng, Kẽm; hàm lượng trung bình: Ag 90,08%, Cu 1,78%, Zn 8,14%.

Căn cứ vào kết quả phân tích tổng khối lượng từng mẫu giám định và kết quả định giá tài sản thì trị giá các dây chuyền các bị cáo bán và chiếm đoạt được cụ thể:

- Ngày thứ nhất: trị giá thực của dây ký hiệu 02 là 587.552 đồng, dây ký hiệu 09 là 485.961 đồng. Như vậy, trị giá tài sản Đ và L chiếm đoạt được của các bị hại là 2.330.487 đồng.

- Ngày thứ hai: trị giá thực của dây ký hiệu 10 là 593.166 đồng, dây ký hiệu

01 là 647.560 đồng, dây ký hiệu 05 là 490.260 đồng. Như vậy, trị giá tài sản Đ và L chiếm đoạt được của các bị hại là 2.459014 đồng.

- Ngày thứ ba: trị giá thực của dây ký hiệu 04 là 1.000646 đồng, dây ký hiệu 12 là 590.275 đồng. Như vậy, trị giá tài sản Đ và L chiếm đoạt được của các bị hại là 1.413079 đồng.

- Ngày thứ bốn: trị giá thực của dây ký hiệu 13 là 347.851 đồng, dây ký hiệu 14 là 465.548 đồng, dây ký hiệu 15 là 352.605 đồng, dây ký hiệu 16 là 470.458 đồng, dây ký hiệu 17 là 619.939 đồng, dây ký hiệu 18 là 324.795 đồng, dây ký hiệu 19 là 417.830 đồng, dây ký hiệu 20 là 432.404 đồng, dây ký hiệu 03 là 562945 đồng, dây ký hiệu 06 là 446320 đồng, dây ký hiệu 07 là 516262 đồng. Như vậy, trị giá tài sản Đ, H và L chiếm đoạt được của các bị hại là 10.525043 đồng.

- Ngày thứ năm: trị giá thực của dây ký hiệu 21 là 484.329 đồng. Như vậy, trị giá tài sản Đ, H và L chiếm đoạt được của bị hại là 998.671 đồng.

- Ngày thứ sáu: trị giá thực của dây ký hiệu 22 là 384.530 đồng, dây ký hiệu 23 là 389.879 đồng, dây ký hiệu 24 là 349.385 đồng, dây ký hiệu 28 là 481.369 đồng, dây ký hiệu 29 là 387.518 đồng, dây ký hiệu 30 là 342.767 đồng, dây ký hiệu 31 là 486.981 đồng, dây ký hiệu 25 là 490.320 đồng, dây ký hiệu 26 là 479.197 đồng, dây ký hiệu 27 là 386.451 đồng. Như vậy, trị giá tài sản Đ, H và L chiếm đoạt được của các bị hại là 9.008603 đồng.

- Ngày thứ bảy: trị giá thực của dây ký hiệu 11 là 464.917 đồng, dây ký hiệu 08 là 548.392 đồng. Như vậy, trị giá tài sản Đ và L chiếm đoạt được của các bị hại là 2.326691 đồng.

Chiếc xe mô tô Wave α 110 màu đỏ đen BKS 37S1-6617 đã được cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn Hường. Các vật chứng còn lại đã được chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương bảo quản phục vụ xét xử vào ngày 07/11/2018.

Ngày 14/8/2018, bị cáo L đã tự nguyện giao nộp số tiền 44.090000 đồng để cơ quan điều tra trả lại cho các bị hại. Các bị hại đã được nhận lại số tiền tương ứng với số tiền mua dây chuyền của các bị cáo; riêng anh Hoàng Phi H (chủ tiệm vàng MT) chưa nhận số tiền bồi thường 1.200.000 đồng nên cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự để phục vụ quá trình thi hành án.

Tại bản cáo trạng số 84/CT-VKS ngày 06/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương truy tố các bị cáo L, Đ, H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố và thật sự ăn năn hối cải. Bị cáo L thừa nhận để đạt mục đích lừa được những người kinh doanh vàng bạc, L đã dùng thủ đoạn gia công thêm vào các sản phẩm dây chuyền có hàm lượng bạc khoảng 30% để cho những dây

chuyện này có bề ngoài giống như bạc đảm bảo hàm lượng 90% rồi thuê Đ, H là những người địa phương bán trên địa bàn tỉnh Nghệ An nhằm tránh sự nghi ngờ của người bản địa. Bị cáo L đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền 44.090.000 đồng cho cơ quan điều tra để trả lại cho các bị hại. Bị cáo L và bị cáo H có ông, bà là người có công với cách mạng. Bị cáo H, bị cáo Đ thừa nhận đã được L trả tiền công cho mỗi người 2.000.000 đồng nhưng tiêu xài hết. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Các bị hại vắng mặt nhưng quá trình điều tra đã nhận được tiền bồi thường thiệt hại đầy đủ, không có yêu cầu gì. Bị hại Hoàng Phi H đề nghị bồi thường 1.200.000 đồng. Gia đình bị hại Nguyễn Thị O xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại ông Hồng Quốc D có mặt tại phiên tòa không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự nhưng thừa nhận sản phẩm các bị cáo lừa bán rất tinh xảo nên dễ dàng đánh lừa được những người sành sỏi trong kinh doanh vàng bạc. Ông D đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng theo luật định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử đề nghị: giữ nguyên việc truy tố bị cáo Đỗ Xuân L, Nguyễn Đình Đ và Nguyễn Thái H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo; đề nghị áp dụng khoản 1 điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 xử phạt bị cáo L mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù; đề nghị áp dụng khoản 1 điều 174; điểm i, s khoản 1, 2 điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 xử phạt bị cáo Đ từ 06 đến 09 tháng tù; đề nghị áp dụng khoản 1 điều 174; điểm i, s khoản 1, 2 điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điều 65 xử phạt bị cáo H từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; trả tiền bồi thường thiệt hại cho người bị hại Hoàng Phi H và xử lý vật chứng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

- Trong quá trình điều tra: Điều tra viên được phân công điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lập hồ sơ vụ án; hỏi cung bị can; khám xét chỗ ở và xử lý vật chứng; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn.

- Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Kiểm sát viên đã thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát điều tra; tham gia phiên tòa đúng thời gian, địa điểm; công bố bản cáo trạng; tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đồng thời thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án cũng như người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử.

Do các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đều tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp pháp và được sử dụng làm chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung:

Với mục đích lừa đảo, đầu tháng 7/2018, Đỗ Xuân L đã dùng thủ đoạn gia công, tráng thêm bạc cho các dây chuyền có hàm lượng bạc 30% để trông giống dây chuyền có hàm lượng bạc đảm bảo rồi thuê Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Thái H lừa bán trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo giá bạc đảm bảo chất lượng trên thị trường để chiếm đoạt tiền của các cửa hàng vàng bạc.

Lợi dụng lòng tin của những người kinh doanh vàng bạc đối với người bản địa, trong 7 ngày thuộc tháng 7/2018, L, Đ và H đã lừa bán nhiều lần cho các cửa hàng vàng bạc trên địa bàn huyện Đô Lương, huyện Tân Kỳ, huyện Thanh Chương, huyện Nam Đàn, huyện Yên Thành, huyện Quỳnh Hợp, thị xã Thái Hòa thuộc tỉnh Nghệ An 31 sợi dây chuyền hàm lượng bạc thấp trị giá 15.028.412 đồng theo giá bạc hàm lượng cao thu về 44.090.000 đồng, chiếm đoạt được số tiền 29.061.588 đồng của các bị hại. Cụ thể:

Ngày thứ nhất 1: L và Đ chiếm đoạt 1.266448 đồng của chị Nguyễn Thị H (chủ cửa hàng vàng bạc HH), 1.064039 đồng của bà Võ Thị H (chủ cửa hàng vàng bạc PH).

Ngày thứ 2: L và Đ chiếm đoạt 1.155180 đồng của chị Nguyễn Thị H (chủ cửa hàng vàng bạc HH), 1.303834 đồng của bà Nguyễn Thị O (chủ cửa hàng vàng bạc NB).

Ngày thứ 3: L và Đ chiếm đoạt 137354 đồng của chị Nguyễn Thị H (chủ cửa hàng vàng bạc HH), 1.275725 đồng của ông Hồng Quốc D (chủ doanh nghiệp tư nhân vàng bạc HV).

Ngày thứ tư 4: L, Đ và H chiếm đoạt 756.395 đồng của ông Trần Bá B (chủ cửa hàng vàng bạc ML1); 1.706601 đồng của anh Trần Bá Đ (chủ cửa hàng vàng bạc ML3); 1.029542 đồng của anh Nguyễn Anh H (chủ cửa hàng vàng bạc TKT); 2.668.971 đồng của ông Nguyễn Minh N (chủ cửa hàng vàng bạc PN1+2); 1.193060 đồng của ông Phan Bá T (cửa hàng vàng bạc TV); 1.233055 của chị Nguyễn Thị H (chủ cửa hàng vàng bạc HH); 2.037418 đồng của chị Phạm Thị O (chủ cửa hàng vàng bạc PHT).

Ngày thứ 5: L, Đ và H chiếm đoạt 998.671 đồng của anh Lê Văn T (chủ cửa hàng vàng bạc PV).

Ngày thứ 6: L, Đ và H chiếm đoạt 831.470 đồng của anh Lê Văn T (chủ cửa hàng vàng bạc PV); 810.121 đồng của bà Hoàng Thị H (chủ cửa hàng vàng bạc BH1), 690.615 đồng của ông Trần Thanh H (chủ cửa hàng vàng bạc HN1); 1.931113 đồng của anh Nguyễn Duy N (chủ cửa hàng vàng bạc KNĐ); 1.797252 đồng của anh Nguyễn Ngọc D (chủ cửa hàng vàng bạc CO; 2.134483 đồng của anh Nguyễn Thái S (chủ cửa hàng vàng bạc NL), 813.549 đồng của anh Hoàng Phi H (chủ cửa hàng vàng bạc MT).

Ngày thứ 7: L và Đ chiếm đoạt 1.005083 đồng của bà Nguyễn Thị O (chủ cửa hàng vàng bạc NB); 1.321608 đồng của bà Võ Thị H (chủ cửa hàng vàng bạc PH).

Ngoài những hành vi chiếm đoạt tài sản có trị giá trên 2.000.000 đồng thì có nhiều hành vi lừa đảo có trị giá tài sản bị chiếm đoạt dưới mức tối thiểu và có khoảng cách về mặt thời gian nhưng do điều kiện, hoàn cảnh khách quan (các bị cáo thỏa thuận là mỗi lần chỉ mang theo bán 01 hoặc 02 dây, bán xong rồi lại lấy dây khác bán tiếp) nên việc lừa đảo phải thực hiện nhiều lần nên vẫn đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo hướng dẫn tại Điều 5, mục II, Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BCA - BTP ngày 25/12/2001. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương truy tố cả ba bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Xét hành vi của các bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm không lớn, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Để lừa đảo thành công, các bị cáo đã di chuyển nhiều nơi trên địa bàn tỉnh Nghệ An, thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự), gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự nên cần lên một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, phòng ngừa tái phạm.

Về vai trò của các bị cáo:

Bị cáo L là chủ mưu, dùng thủ đoạn gia công và cung cấp các dây chuyền bạc kém chất lượng, thuê Đ và H đem dây chuyền lừa bán đồng thời cũng là người trực tiếp bán 31 sợi dây chuyền, chiếm đoạt của các bị hại số tiền 29.061588 đồng nên phải chịu trách nhiệm chính và cao nhất trong vụ án. Bị cáo Đ là người thực hành tích cực và tham gia bán 31 sợi dây chuyền giúp L chiếm đoạt 29.061588 đồng, thu lợi bất chính số tiền công là 2.000.000 đồng đồng thời cũng là người lôi kéo bị cáo H phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao thứ hai trong vụ án. Do vậy, cần xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo L, bị cáo Đ ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục 2 bị cáo thành người có ích cho xã hội và cần tiếp tục tạm giam mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo H là người thực hành, tham gia bán 22 dây chuyền, giúp L chiếm đoạt 20.532317 đồng, thu lợi bất chính số tiền công là 2.000.000 đồng nên chịu trách nhiệm hình sự thứ yếu, thấp nhất trong vụ án và Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà được cải tạo giáo dục tại địa phương thành người có ích cho xã hội. Do bị cáo H không có tài sản, không có thu nhập nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Xét, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự), trong quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, thực sự ăn năn hối cải (điểm s

khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự); sau khi phạm tội bị cáo L đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho những bị hại (điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự); bị cáo L, bị cáo H có ông, bà là người có công với cách mạng và gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo (là các tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự); nhân thân các bị cáo tốt nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho một phần khi quyết định hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

Về hình phạt bổ sung: xét các bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: 32 dây chuyền kim loại đã thu giữ (được đánh số thứ tự từ 01 đến 32); 01 Máy nén khí đã qua sử dụng, loại 8kg/cm³, màu đỏ phía trên có gắn bộ phận tự chế màu đen, số model: H-47, POWER 1/2HP; 01 máy khò màu vàng đồng gồm hai bộ phận thân khò và tay cầm; 01 thùng nhựa màu trắng; 01 máy điện thoại di động Nokia RM-1190 màu đen đã qua sử dụng, và 01 máy điện thoại di động Nokia 1110 màu xanh đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Còn các sim số 0971.141.272 và 0964.690.093, 01695.689.757 thì cần giao cho Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội xử lý theo quy định về quản lý sim điện thoại.

Đối với số tiền công L trả cho Đ (2.000.000 đồng) và H (2.000.000 đồng) là tiền thu lợi bất chính cần truy thu từ bị cáo Đ, bị cáo H để sung vào Ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc mô tô Waveα110 màu đỏ đen BKS 37S1-6617 thì cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét.

Về dân sự: các bị hại đã được cơ quan điều tra trả lại số tiền bồi thường thiệt hại do bị cáo L giao nộp. Riêng bị hại Hoàng Phi H (chủ cửa hàng vàng bạc MT) có yêu cầu bồi thường nhưng chưa đến nhận 1.200.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại về tài sản nên cơ quan điều tra đã chuyển số tiền trên sang Chi cục thi hành án dân sự để thi hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo L đối với anh Hoàng Phi H và trả lại cho anh H số tiền 1.200.000 đồng bồi thường thiệt hại hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương.

Về vấn đề khác: đối với anh Phạm Văn Hường là chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS 37S1-6617 nhưng khi Đ mượn xe thì anh Hường không biết mục đích sử dụng vào việc phạm tội nên không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với anh Hường. Bùi Đăng Thuận là người được Đ rủ đi bán dây chuyền bạc nhưng Thuận cũng không biết về dây chuyền bạc này là kém chất lượng nên không có đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Thuận . Nguyễn Thị P là vợ của L , nhưng quá trình điều tra không đủ cơ sở xác định P có liên quan đến hành vi lừa đảo hay không nên không xử lý trách nhiệm pháp lý đối với P.

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 174 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Đỗ Xuân L, bị cáo Nguyễn Đình Đ và bị cáo Nguyễn Thái H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân L **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 22/7/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Đ **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 22/7/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái H **06** (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 22/7/2018 đến ngày 31/7/2018) = 27 ngày cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 05 tháng 03 ngày. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày UBND xã S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo H cho UBND xã S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo H phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự.

Trả lại cho anh Hoàng Phi H 1.200.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại về tài sản theo Biên lai thu số 0000803 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành ngày 08/11/2018.

- Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu vào Ngân sách nhà nước 32 dây chuyền kim loại đã thu giữ (được đánh số thứ tự từ 01 đến 32); 01 Máy nén khí đã qua sử dụng, loại 8kg/cm³, màu đỏ phía trên có gắn bộ phận tự chế màu đen, số model: H-47, POWER 1/2HP; 01 máy khò màu vàng đồng gồm hai bộ phận thân khò và tay cầm; 01 thùng nhựa màu trắng; 01 máy điện thoại di động Nokia RM-1190 màu đen đã qua sử dụng và 01 máy điện thoại di động Nokia 1110 màu xanh đã qua sử dụng. Các vật

chứng hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2018.

Truy thu từ bị cáo Đ số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo H số tiền 2.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao các sim số 0971.141.272 và 0964.690.093, 01695.689.757 cho Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội xử lý theo quy định về quản lý sim điện thoại.

- Về án phí: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đỗ Xuân L, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Thái H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, ông Hồng Quốc D có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Đô Lương;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- CQĐT Công an huyện Đô Lương;
- CQTHAHS huyện Đô Lương;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Thế